

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2019/DS-ST**

Ngày: 08/10/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 25/3/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2019/ QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (D Bank). Địa chỉ: Số 130 đường P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Võ Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thanh T, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Quyết định ủy quyền số: 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019), vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh N, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Mai Thúc Loan- Chi nhánh thành phố Huế- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Quyết định ủy quyền số: 290/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019), vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đôn Thiện T, Chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân- Phòng giao dịch Mai Thúc Loan- Chi nhánh thành phố Huế- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Giấy ủy quyền ngày 11/4/2019), có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1963. Địa chỉ: 115 đường V phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: 129 đường V phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 115 đường V, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ liên lạc: 129 đường V, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Căn cứ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 03/11/2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 16/11/2016, đợt vay 0136265T016094 thì vào ngày 16/11/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây viết tắt là D Bank) đã cho bà Kim A vay số tiền gồm 20.000.000 đồng; Lãi suất: 10,2%/năm (0,85%/tháng); Thời hạn vay: 24 tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: cho vay buôn bán; Biện pháp bảo đảm: tín chấp; Phương thức thanh toán: Bà Kim A có trách nhiệm trả tổng cộng số tiền gốc và lãi gồm 24.080.000 đồng trong vòng 24 tháng; trong 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.005.000 đồng, tháng cuối cùng trả 965.000 đồng, thanh toán vào ngày 12 hàng tháng. Thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2016.

Sau khi ký nhận nợ theo danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 16/11/2016, bà Kim A đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho D Bank với tổng số tiền 9.045.000 đồng. Từ sau ngày 10/8/2017 cho đến nay, bà Kim A dừng thanh toán. Do bà Nguyễn Thị Kim A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày **16/9/2017**. Tính đến ngày 08/10/2019, bà Kim A còn nợ của D Bank tổng số tiền gồm 18.020.932 đồng, trong đó nợ gốc: 13.403.000. đồng; nợ lãi trong hạn: 1.632.000 đồng; lãi quá hạn: 2.985.932 đồng.

Nay D Bank khởi kiện yêu cầu bà Kim A và ông Nguyễn L phải thanh toán cho D Bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn tổng cộng là: 18.020.932 đồng và yêu cầu bà Kim A, ông L tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn L không đến Toà án để làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, bà Kim A, ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của D Bank.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 08/10/2019 gồm 18.020.932 đồng (trong đó nợ gốc: 13.403.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.632.000 đồng; lãi quá hạn: 2.985.932 đồng).

- Buộc bà Kim A, ông L phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử (tính từ ngày 09/10/2019) cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Dong A Bank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Kim A và ông L, có địa chỉ tại: 129 đường V, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà Kim A, ông L đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Kim A, ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Kim A và ông L không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301442379 đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 11/9/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ

Chí Minh cấp thì D Bank có tư cách pháp nhân, thực hiện hoạt động tín dụng theo khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 03/11/2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 16/11/2016, đợt vay 0136265T016094 giữa D Bank và bà Kim A, người bảo lãnh ông L, có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường K, thành phố Huế là hợp đồng tín dụng bảo đảm bằng tín chấp theo quy định tại Điều 344 và Điều 345 Bộ luật dân sự, với các điều khoản quy định đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 385, Điều 398 và Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về yêu cầu đòi nợ của D Bank, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng, D Bank đã thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ của mình, đã chuyển khoản đủ cho bà Kim A số tiền vay 20.000.000đồng theo thỏa thuận. Sau khi nhận đủ tiền, phía bà Kim A đã thanh toán cho D Bank với tổng số tiền 9.045.000 đồng (trong đó nợ gốc 6.597.000 đồng, nợ lãi 2.448.000 đồng). Từ sau ngày 10/8/2017 cho đến nay, bà Kim A không tiếp tục thanh toán là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong nội dung của hợp đồng. Như vậy, bà Kim A đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 08/10/2019, bà Kim Anh còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho D Bank số tiền nợ gốc: 13.403.000.đồng; nợ lãi trong hạn : 1.632.000 đồng; lãi quá hạn: 2.985.932 đồng, tổng cộng là 18.020.932 đồng. Vì vậy, D Bank khởi kiện buộc bà Kim A phải trả nợ gốc và lãi với số tiền trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 282 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn L là một bên tham gia trong giao dịch với tư cách là người bảo lãnh, đồng thời là chồng của bà Kim A, nên phải có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, do đó hội đồng xét xử cần buộc ông L cùng với bà Kim A chịu trách nhiệm cùng trả số nợ trên cho D Bank.

[2.3] Về yêu cầu của D Bank buộc bà Kim A và ông L tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, là có căn cứ theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và các quy định của pháp luật, phù hợp với hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 901.046 đồng (chín trăm chín lẻ một ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng).

- D Bank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả tiền tạm ứng án phí gồm 396.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) cho D Bank theo biên

lai thu tiền số 007858 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227 ; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 280; Điều 282; Điều 344; Điều 345; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (D Bank).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (D Bank) số tiền gồm 18.020.932 đồng (trong đó gốc: 13.403.000 đồng; nợ lãi trong hạn : 1.632.000 đồng; lãi quá hạn: 2.985.932 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì lãi suất mà bà Kim A, ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[2] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 901.046 đồng (chín trăm chín lẻ một ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (D Bank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (D Bank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 396.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 007858 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân

sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Huế

